

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

Số: 1297/TTLĐNN-TCLĐ
V/v thông báo danh sách người lao động
xuất cảnh đi làm việc tại Hàn Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Sở Nội Vụ

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở danh sách người lao động xuất cảnh vào ngày 16/12/2025 (danh sách kèm theo). Để công tác tổ chức xuất cảnh được thực hiện đúng kế hoạch, tuân thủ các quy định, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng đề nghị quý Sở phối hợp thông báo đến người lao động những nội dung như sau:

1. Kế hoạch tổ chức xuất cảnh:

1.1. Kế hoạch tổ chức xuất cảnh:

- Thời gian hướng dẫn thủ tục xuất cảnh: **07h30**

1.2 Địa điểm tập trung và khám sức khỏe

- **Địa điểm tập trung làm thủ tục xuất cảnh, khám sức khỏe và xét nghiệm: Khách sạn Khăn Quàng Đỏ - số 94 ngõ 189 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.**

Nội dung khám: Xét nghiệm Giang mai, chất gây nghiện, chẩn đoán thai sản (đối với nữ), chụp X-Quang tim phổi.

- Đối với nội dung chụp X-Quang tim phổi chỉ thực hiện đối với người lao động có thời gian kể từ khi khám sức khỏe tại khóa học định hướng đến ngày xuất cảnh : trên 03 tháng;

- Tiền khám sức khỏe: chụp X-Quang tim phổi: 65.000 đồng, xét nghiệm Giang mai: 60.000 đồng; xét nghiệm chất gây nghiện: 150.000 đồng, chẩn đoán thai sản: 30.000 đồng. Người lao động nộp tiền khám sức khỏe trực tiếp cho bệnh viện khám sức khỏe (cán bộ bệnh viện hướng dẫn thủ tục khám sức khỏe chị Tú, số điện thoại: 097.760.2525)

- Người lao động có nhu cầu đặt phòng ở liên hệ với Khách sạn Khăn Quàng Đỏ theo số điện thoại: 024.3723.6727 để được hỗ trợ.

2. Người lao động cần chuẩn bị khi đến tập trung xuất cảnh:

- **Mang theo các loại giấy tờ sau:**

+ 01 Giấy xác nhận ký quỹ; 01 bản Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc; 01 bản Hợp đồng ký quỹ.

+ 04 ảnh kích thước 3cmx4cm, bút bi, 01 điện thoại smart phone có sử dụng sim 3G hoặc 4G.

+ Giấy tờ mang theo để mở tài khoản ngân hàng tại Hàn Quốc: Căn cước công dân (bản gốc và 02 bản photocopy có chứng thực); 02 bản photocopy Hộ chiếu; 03 hợp đồng ký giữa doanh nghiệp Hàn Quốc với người lao động; **thông tin**



về mã số thuế cá nhân (người lao động có thể đăng ký mã số thuế cá nhân theo hình thức trực tuyến tại trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế).

- **Nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước (các khoản thu hộ) như sau:**

+ Phí soi chiếu an ninh tại sân bay Nội Bài: 10,5 USD gồm 1,5 USD tiền phí dịch vụ soi chiếu an ninh tại sân bay Nội Bài và 9 USD tiền tăng phí dịch vụ hành khách tại sân bay quốc tế Nội Bài áp dụng từ ngày 01/01/2015 (quy đổi theo tỷ giá do hãng hàng không thông báo vào ngày lao động xuất cảnh);

+ Người lao động nộp bù hoặc được Trung tâm Lao động ngoài nước hoàn trả tiền chênh lệch vé máy bay theo tỷ giá giữa thời điểm nộp tiền và thời điểm xuất cảnh (nếu có).

+ Tham gia Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước: 100.000 đồng

+ Chi phí tổ chức xuất cảnh: 90.000 đồng

- **Nộp cho đơn vị cung cấp đồng phục xuất cảnh:** trang phục (mùa đông): 295.000 đồng

Trung tâm thu tiền bằng hình thức chuyển khoản: người lao động nộp các khoản tiền xuất cảnh theo hướng dẫn tại link sau: : <https://zalo.me/g/btdjvm879>

Thời gian hoàn thành việc nộp tiền: trước 14h00 ngày 15 tháng 12 năm 2025

Lưu ý: Trường hợp người lao động đã nộp tiền nhưng không xuất cảnh vì các lý do khác nhau, đề nghị đến trụ sở Trung tâm Lao động ngoài nước – số 1 Trịnh Hoài Đức – Ô Chợ Dừa – Hà Nội để nhận lại các khoản tiền đã nộp (nếu có) trong ngày 17/12/2025.

- **Các khoản tiền nộp tại Hàn Quốc:** người lao động mang theo khoảng 500 USD để mua bảo hiểm rủi ro và bảo hiểm hồi hương;

3. Một số nội dung khác

- Người lao động được mang tối đa 23kg hành lý ký gửi và 10kg hành lý xách tay khi xuất cảnh; **tuyệt đối không được mang các loại lương thực và thực phẩm được làm từ thịt, thủy hải sản, các loại rau, củ, quả và các loại hàng hóa bị Hàn Quốc cấm mang theo khi nhập cảnh và không được vận chuyển theo quy định của các hãng hàng không.** Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ kiểm tra hành lý của người lao động tại nơi tập trung xuất cảnh, nếu phát hiện mang các hàng hóa thuộc danh mục bị cấm nêu trên, sẽ tạm dừng xuất cảnh, xử lý theo quy định.

- Trang phục khi tập trung thực hiện thủ tục xuất cảnh: yêu cầu người lao động mặc quần dài tối màu, đi giày thể thao; áo và mũ đồng phục được phát tại điểm tập trung.

- Trước khi xuất cảnh, người lao động không nên tổ chức liên hoan, chia tay; không nên tham gia các hoạt động tập trung đông người do **thời gian gần đây, một số trường hợp người lao động liên hoan chia tay, bị tai nạn dẫn đến không đủ điều kiện xuất cảnh bị chủ sử dụng lao động hủy hợp đồng.**

- Để tránh trường hợp người lao động sau khi nhập cảnh Hàn Quốc, phải về nước vì lý do kết quả xét nghiệm dương tính với chất gây nghiện, **đề nghị quý Sở**



khuyến cáo người lao động trước thời gian xuất cảnh (khoảng 3-4 ngày) không sử dụng các loại thuốc có thành phần là Codein, Scopolamin, các hoạt chất có trong cây thuốc phiện, bao gồm các loại thuốc sau đây: thuốc ho, thuốc giảm đau, thuốc chống say tàu xe, thuốc đi ngoài, thuốc chống nôn.

- Sau khi nhập cảnh phải tuyệt đối tuân thủ các quy của cơ quan chức năng Hàn Quốc, trong trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Hàn Quốc và có thể bị yêu cầu về nước.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Sở./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc TT (để b/c)
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT, VP (để t/h);
- P.QL và HTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Ngọc Lan



DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG XUẤT CẢNH NGÀY 16/12/2025
(Kèm theo Công văn số **1297**/TTLĐNN-TCLĐ ngày 10/12/2025 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Thẻ tên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Số báo danh	Đăng ký dự tuyển	Ghi chú (Theo đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1	MA-1	Dương Văn Tuấn	16/03/1993	Nam	SXCT	0082024C50331374	Quảng Trị	Quảng Trị
2	MA-2	Hà Đức An	21/06/2001	Nam	SXCT	0082024C50305934	Phú Thọ	Phú Thọ
3	MA-3	Trần Đức Tuyên	26/03/2004	Nam	SXCT	0082024C50321493	Thanh Hóa	Thanh Hóa
4	MA-4	Nguyễn Huy Đức	22/02/1999	Nam	SXCT	0082024C50333960	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
5	MA-5	Phạm Văn Tú	27/08/2002	Nam	SXCT	0082024C50334320	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
6	MA-6	Vũ Thị Thoa	11/09/2002	Nữ	SXCT	0082024C50312295	Ninh Bình	Ninh Bình
7	MA-7	Hà Quang Dương	15/04/2004	Nam	SXCT	0082024C50307880	Bắc Ninh	Bắc Giang
8	MA-8	Trần Thị Hà	28/07/2004	Nữ	SXCT	0082024C50303886	Ninh Bình	Hà Nam
9	MA-9	Trần Thị Thủy Tiên	13/04/2004	Nữ	SXCT	0082024C50330526	Quảng Trị	Quảng Bình
10	MA-10	Lê Trung Đông	08/11/1999	Nam	SXCT	0082024C50303738	Ninh Bình	Hà Nam
11	MA-11	Trần Nguyên Nhật	02/06/1998	Nam	SXCT	0082024C50331688	Quảng Trị	Quảng Trị
12	MA-12	Lưu Thị Minh Hoà	14/07/2005	Nữ	SXCT	0082024C50309071	Quảng Ninh	Quảng Ninh
13	MA-13	Nguyễn Thị Phương Anh	23/04/2005	Nữ	SXCT	0082024C50332248	Tp Huế	TP Huế
14	MA-14	Nguyễn Thị Uyên	02/04/2003	Nữ	SXCT	0082024C50332208	Tp Huế	TP Huế
15	MA-15	Trần Thu Trang	04/02/2005	Nữ	SXCT	0082024C50309256	Quảng Ninh	Quảng Ninh
16	MA-16	Triệu Thị Thu Huyền	21/04/2005	Nữ	SXCT	0082024C50311334	Hưng Yên	Thái Bình
17	MA-17	Chu Ngọc Anh	24/10/2005	Nam	SXCT	0082024C50345190	Thanh Hóa	Thanh Hóa
18	MA-18	Cao Đức Hải	17/10/2002	Nam	SXCT	0082024C50305981	Phú Thọ	Phú Thọ
19	MA-19	Lê Tiến Phú	02/01/2002	Nam	SXCT	0082024C50334260	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
20	MA-20	Bùi Thị Nga	08/09/2002	Nữ	SXCT	0082024C50304107	Cao Bằng	Cao Bằng
21	MA-21	Lý Thị Khuyên	19/11/2001	Nữ	SXCT	0082024C50308976	Quảng Ninh	Quảng Ninh
22	MA-22	Nguyễn Thị Kiều Vân	16/01/2000	Nữ	SXCT	0082024C50330333	Quảng Trị	Quảng Bình
23	MA-23	Đinh Quốc Trung	19/09/2002	Nam	SXCT	0082024C50311844	Ninh Bình	Ninh Bình
24	MA-24	Lê Văn Hoàng	07/06/1998	Nam	SXCT	0082024C50331821	Quảng Trị	Quảng Trị
25	MA-25	Trần Quang Huấn	28/07/1986	Nam	SXCT	0082024C50312544	Ninh Bình	Ninh Bình
26	MA-26	Bùi Văn Linh	10/05/1995	Nam	SXCT	0082024C50307866	Bắc Ninh	Bắc Giang
27	MA-27	Đào Minh Đức	10/05/1996	Nam	SXCT	0082024C50303214	Hưng Yên	Hưng Yên
28	MA-28	Nguyễn Văn Quang	10/04/1999	Nam	SXCT	0082024C50333953	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
29	MA-29	Trương Khắc Lộc	20/11/1998	Nam	SXCT	0082024C50331905	Quảng Trị	Quảng Trị
30	MA-30	Trương Văn Minh	15/02/2000	Nam	SXCT	0082024C50331817	Quảng Trị	Quảng Trị

3

31	MA-31	Vi Văn Ngọc	25/07/2000	Nam	SXCT	0082024C50307028	Bắc Ninh	Bắc Giang
32	MA-32	Khuất Quang Lợi	21/05/1999	Nam	SXCT	0082024C50300802	Hà Nội	Hà Nội
33	MA-33	Nguyễn Anh Đức	12/12/2000	Nam	SXCT	0082024C50318193	Thanh Hóa	Thanh Hóa
34	MA-34	Nguyễn Văn Chương	02/03/1998	Nam	SXCT	0082024C50303741	Ninh Bình	Hà Nam
35	MA-35	Hoàng Văn Dinh	15/02/1997	Nam	SXCT	0082024C50331333	Quảng Trị	Quảng Trị
36	MA-36	Hoàng Trung Kiên	16/09/1997	Nam	SXCT	0082024C50319129	Thanh Hóa	Thanh Hóa
37	MA-37	Nguyễn Thanh Hà	04/11/1996	Nam	SXCT	0082025C50833310	Gia Lai	Bình Định
38	MA-38	Nguyễn Văn Phương	09/03/2001	Nam	SXCT	0082024C50331265	Quảng Trị	Quảng Trị
39	MA-39	Ngô Văn Nhân	22/02/2003	Nam	SXCT	0082024C50330356	Quảng Trị	Quảng Bình
40	MA-40	Trần Quang Thuận	10/01/2005	Nam	SXCT	0082024C50306026	Phú Thọ	Phú Thọ
41	MA-41	Lê Quang Độ	25/01/2000	Nam	SXCT	0082025C50838629	An Giang	Kiên Giang
42	MA-42	Nguyễn Văn Long	22/11/2000	Nam	SXCT	0082025C50804925	Lạng Sơn	Lạng Sơn
43	MA-43	Đỗ Văn Thắng	15/07/1997	Nam	SXCT	0082024C50311814	Ninh Bình	Ninh Bình
44	MA-44	Phan Xuân Hải	28/01/1998	Nam	SXCT	0082024C50331555	Quảng Trị	Quảng Trị
45	MA-45	Nguyễn Đình Thi	07/12/1993	Nam	SXCT	0082024C50331771	Quảng Trị	Quảng Trị
46	MA-46	Trần Đình Thiên	10/08/1990	Nam	SXCT	0082024C50331859	Quảng Trị	Quảng Trị
47	MA-47	Chu Thị Chung	25/09/1995	Nữ	SXCT	0082024C50307899	Bắc Ninh	Bắc Giang
48	MA-48	Đào Thị Hằng	30/09/1990	Nữ	SXCT	0082024C50312162	Ninh Bình	Ninh Bình
49	MA-49	K' Thủy	20/04/1991	Nữ	SXCT	0082024C50337126	Lâm Đồng	Lâm Đồng
50	MA-50	Nguyễn Thị Hà My	01/11/1999	Nữ	SXCT	0082024C50330791	Quảng Trị	Quảng Bình
51	MA-51	Nguyễn Thị Hiệp	28/11/1993	Nữ	SXCT	0082024C50312459	Ninh Bình	Ninh Bình
52	MA-52	Nguyễn Thị Thuý Trang	01/01/1992	Nữ	SXCT	0082024C50330021	Quảng Trị	Quảng Bình
53	MA-53	Phạm Thị Kiều	04/06/1999	Nữ	SXCT	0082024C50304367	Thái Nguyên	Bắc Kạn
54	MA-54	Tổng Thị Lý	31/10/1999	Nữ	SXCT	0082024C50312117	Ninh Bình	Ninh Bình
55	MA-55	Trần Vũ Hải	08/08/1997	Nam	SXCT	0082024C50331350	Quảng Trị	Quảng Trị
56	MA-56	Nguyễn Khắc Thọ	05/11/2005	Nam	SXCT	0082024C50300973	Hà Nội	Hà Nội
57	MA-57	Nguyễn Minh Toà	26/05/2005	Nam	SXCT	0082024C50313588	Phú Thọ	Phú Thọ
58	MA-58	Cao Thị Ngân	01/01/2000	Nữ	SXCT	0082024C50339761	Cà Mau	Bạc Liêu
59	MA-59	Nguyễn Thị Ánh	08/11/1995	Nữ	SXCT	0082024C50336110	Đắk Lắk	Đắk Lắk
60	MA-60	Phạm Thị Mai	27/09/1995	Nữ	SXCT	0082024C50337123	Lâm Đồng	Lâm Đồng
61	MA-61	Phạm Thị Minh Thủy	08/08/1999	Nữ	SXCT	0082024C50333310	Đắk Lắk	Phú Yên
62	MA-62	Phạm Thị Quỳnh Như	27/09/1994	Nữ	SXCT	0082024C50319050	Thanh Hóa	Thanh Hóa
63	MA-63	Trịnh Dương Thủy	06/04/1998	Nữ	SXCT	0082024C50312671	Ninh Bình	Ninh Bình
64	MA-64	Phạm Thị Trúc Linh	27/08/2003	Nữ	SXCT	0082025C50838444	Vĩnh Long	Bến Tre

4

65	MA-65	Phan Thị Loan	04/03/2001	Nữ	SXCT	0082024C50305086	Tuyên Quang	Tuyên Quang
66	MA-66	Trần Thị Thanh Trà	19/02/2000	Nữ	SXCT	0082024C50301872	Hải Phòng	Hải Phòng
67	MA-67	Võ Huỳnh Anh Thư	25/07/2000	Nữ	SXCT	0082024C50338331	Vĩnh Long	Vĩnh Long
68	MA-68	Phan Xuân Trường	14/07/2003	Nam	SXCT	0082024C50334307	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
69	MA-69	Trần Văn Phong	04/06/1995	Nam	SXCT	0082024C50305928	Phú Thọ	Phú Thọ
70	MA-70	Phan Quốc Thanh	09/02/1997	Nam	SXCT	0082025C50838214	Vĩnh Long	Vĩnh Long
71	MA-71	Trần Huy Tú	15/01/2005	Nam	SXCT	0082024C50303776	Ninh Bình	Hà Nam
72	MA-72	Đỗ Hoàng Kha	19/09/2000	Nam	SXCT	0082025C50839243	Cần Thơ	Cần Thơ
73	MA-73	Lê Vạn Nam	01/06/2001	Nam	SXCT	0082024C50333697	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
74	MA-74	Ngô Văn Quang	27/08/1987	Nam	SXCT	0082024C50302301	Hải Phòng	Hải Dương
75	MA-75	Đinh Văn Phụng	01/01/1990	Nam	SXCT	0082024C50339014	Cần Thơ	Hậu Giang
76	MA-76	Hà Thị Quý	03/04/2000	Nữ	SXCT	0082024C50332689	Đà Nẵng	Quảng Nam
77	MA-77	Lê Văn Hậu	17/05/2003	Nam	SXCT	0082024C50315870	Thanh Hóa	Thanh Hóa
78	MA-78	Trương Tiến Đạt	08/08/2002	Nam	SXCT	0082024C50340209	Hà Nội	Hà Nội
79	MA-79	Vưu Hồng Gấm	03/07/2001	Nữ	SXCT	0082024C50339881	Cà Mau	Cà Mau
80	MA-80	Mai Thanh Dương	30/09/1996	Nam	SXCT	0082022C51104115	Hưng Yên	Thái Bình
81	MA-81	Đặng Ngọc Tú	06/02/1998	Nam	SXCT	0082024C50323990	Nghệ An	Nghệ An
82	MA-82	Lê Kinh Đại	01/06/1993	Nam	SXCT	0082024C50314664	Thanh Hóa	Thanh Hóa
83	MA-83	Nguyễn Thu Hoài	16/08/1993	Nữ	SXCT	0082024C50312044	Ninh Bình	Ninh Bình
84	MA-84	Lê Sỹ Long Vũ	24/04/2005	Nam	SXCT	0082024C50334086	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
85	MA-85	Nguyễn Tiến Đạt	25/05/2005	Nam	SXCT	0082024C50306439	Phú Thọ	Phú Thọ
86	MA-86	Nguyễn Trọng Hoàng	25/07/2005	Nam	SXCT	0082024C50303385	Hưng Yên	Hưng Yên
87	MA-87	Nguyễn Văn Tuấn	04/09/2004	Nam	SXCT	0082024C50331461	Quảng Trị	Quảng Trị
88	MA-88	Phạm Quốc Huy	29/10/2005	Nam	SXCT	0082024C50312755	Ninh Bình	Ninh Bình
89	MA-89	Trần Văn Thiện	16/01/2004	Nam	SXCT	0082024C50312000	Ninh Bình	Ninh Bình
90	MA-90	Lê Đình Bảo	06/07/1993	Nam	SXCT	0082024C50334264	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
91	MA-91	Nguyễn Văn Tiệp	26/02/1992	Nam	SXCT	0082024C50334114	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
92	MA-92	Lương Văn Lực	26/03/2002	Nam	SXCT	0082025C50835306	Đắk Lắk	Đắk Lắk
93	MA-93	Nguyễn Anh Tài	17/10/2005	Nam	SXCT	0082024C50330276	Quảng Trị	Quảng Bình
94	MA-94	Hoàng Thị Kim Thoa	18/10/1997	Nữ	SXCT	0082024C50311589	Hưng Yên	Thái Bình
95	MA-95	Trần Thị Danh	02/10/1997	Nữ	SXCT	0082024C50332419	Tp Huế	Tp Huế
96	MA-96	Đào Văn Sỹ	23/11/2005	Nam	SXCT	0082024C50303289	Hưng Yên	Hưng Yên
97	MA-97	Hán Minh Hiếu	15/12/2005	Nam	SXCT	0082024C50305873	Phú Thọ	Phú Thọ
98	MA-98	Lê Đình Tuấn	16/11/2005	Nam	SXCT	0082024C50320062	Thanh Hóa	Thanh Hóa
99	MA-99	Phan Văn Tú	01/12/2005	Nam	SXCT	0082024C50307295	Bắc Ninh	Bắc Giang

100	MA-100	Nguyễn Hồng Ngọc	28/06/2003	Nữ	SXCT	0082024C50339964	Cà Mau	Cà Mau
101	MA-101	Lã Văn Hưng	11/03/1988	Nam	SXCT	0082024C50316461	Thanh Hóa	Thanh Hóa
102	MA-102	Lê Thị Điệp	12/08/1987	Nữ	SXCT	0082024C50318109	Thanh Hóa	Thanh Hóa
103	MA-103	Lê Thị Kim Chi	20/11/1987	Nữ	SXCT	0082024C50309004	Quảng Ninh	Quảng Ninh
104	MA-104	Nguyễn Thị Hà	07/10/1987	Nữ	SXCT	0082024C50303253	Hưng Yên	Hưng Yên
105	MA-105	Bùi Ngọc Mai	20/05/2000	Nữ	SXCT	0082024C50338441	Vĩnh Long	Vĩnh Long
106	MA-106	Bùi Thị Ánh Tuyết	20/02/1999	Nữ	SXCT	0082024C50330552	Quảng Trị	Quảng Bình
107	MA-107	Phan Thị Thanh Ngọc	20/08/1996	Nữ	SXCT	0082024C50338445	Vĩnh Long	Vĩnh Long
108	MA-108	Vũ Thị Xuân Nhi	23/06/1999	Nữ	SXCT	0082024C50301852	Hải Phòng	Hải Phòng
109	MA-109	Lê Trung Thông	03/06/1997	Nam	SXCT	0082024C50329452	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
110	MA-110	Lê Văn Công	20/10/1996	Nam	SXCT	0082024C50320675	Thanh Hóa	Thanh Hóa
111	MA-111	Lê Văn Việt	20/01/1995	Nam	SXCT	0082024C50321216	Thanh Hóa	Thanh Hóa
112	MA-112	Phan Chí Hào	17/03/2004	Nam	SXCT	0082025C50838631	An Giang	Kiên Giang
113	MA-113	Nguyễn Đắc Hiếu	20/05/1994	Nam	SXCT	0082024C50302214	Hải Phòng	Hải Dương
114	MA-114	Võ Phi Toàn	21/09/2000	Nam	SXCT	0082025C50838645	An Giang	Kiên Giang
115	MA-115	Võ Thị Yến Nhi	19/01/2001	Nữ	SXCT	0082024C50338820	An Giang	Kiên Giang
116	MA-116	Phạm Thị Thanh Hoa	04/07/2000	Nữ	SXCT	0082024C50305869	Phú Thọ	Phú Thọ
117	MA-117	Lê Kim Chinh	30/10/1991	Nam	SXCT	0082024C50303578	Hưng Yên	Hưng Yên
118	MA-118	Phạm Văn Cát	04/02/1994	Nam	SXCT	0082024C50310189	Ninh Bình	Nam Định
119	MA-119	Nguyễn Hồng Hòa	06/01/2002	Nam	SXCT	0082024C50303729	Ninh Bình	Hà Nam
120	MA-120	Lê Tuấn Anh	20/10/1993	Nam	SXCT	0082024C50329079	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
121	MA-121	Lê Văn Phương	14/11/1986	Nam	SXCT	0082024C50345172	Thanh Hóa	Thanh Hóa
122	MA-122	Lê Viết Phương	10/05/1986	Nam	SXCT	0082024C50320119	Thanh Hóa	Thanh Hóa
123	MA-123	Đoàn Thị Thủy	25/01/1998	Nữ	SXCT	0082024C50313976	Thái Nguyên	Thái Nguyên
124	MA-124	Cao Minh Hiếu	09/06/2000	Nam	SXCT	0082024C50345218	Thanh Hóa	Thanh Hóa
125	MA-125	Cao Văn Quang	14/09/2000	Nam	SXCT	0082024C50319218	Thanh Hóa	Thanh Hóa
126	MA-126	Hoàng Văn Hải	07/12/1993	Nam	SXCT	0082024C50316433	Thanh Hóa	Thanh Hóa
127	MA-127	Mai Trung Điểm	16/06/2002	Nam	SXCT	0082024C50310826	Ninh Bình	Nam Định
128	MA-128	Nguyễn Nhật Khanh	28/04/2005	Nam	SXCT	0082024C50331208	Quảng Trị	Quảng Trị
129	MA-129	Cao Xuân Huy	15/11/2000	Nam	SXCT	0082024C50306097	Phú Thọ	Phú Thọ
130	MA-130	Dương Văn Hậu	13/08/1998	Nam	SXCT	0082024C50337325	Tây Ninh	Tây Ninh
131	MA-131	Đỗ Hương Giang	10/03/2003	Nữ	SXCT	0082024C50311563	Hưng Yên	Thái Bình
132	MA-132	Lương Gia Mỹ	17/06/2005	Nữ	SXCT	0082024C50335020	Vĩnh Long	Vĩnh Long
133	MA-133	Nguyễn Hoàng Ngân	18/07/2003	Nữ	SXCT	0082024C50338317	Vĩnh Long	Vĩnh Long
134	MA-134	Lê Thị Thu Hương	04/04/2001	Nữ	SXCT	0082024C50337442	Tp Hồ Chí Minh	Bình Dương

135	MA-135	Nguyễn Thanh Hương	27/09/2000	Nữ	SXCT	0082024C50301932	Hải Phòng	Hải Phòng
136	MA-136	Vũ Tuấn Anh	01/07/1992	Nam	SXCT	0082024C50311934	Ninh Bình	Ninh Bình
137	MA-137	Nguyễn Hữu Giáp	02/07/2000	Nam	SXCT	0082024C50306235	Phú Thọ	Phú Thọ
138	MA-138	Đào Thị Thơ	12/11/1987	Nữ	SXCT	0082024C50311411	Hưng Yên	Thái Bình
139	MA-139	Nguyễn Khắc Thành	20/07/1991	Nam	SXCT	0082025C50837301	Đồng Nai	Đồng Nai
140	MA-140	Phan Hữu Hiệp	07/03/2000	Nam	SXCT	0082024C50334224	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh

13